

Số: 558/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tỷ
- Bà Bùi Diệu Huệ

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: bà Từ Ngọc Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1140/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Quách Thị Mộng T, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: đường D, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn B, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường D, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2023, bản tự khai, nguyên đơn bà Quách Thị Mộng T, trình bày:

Bà và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/KH/2003, quyển số 01/2003 ngày 27/01/2003. Hai ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không phù hợp quan điểm sống, cách sống, không đồng cảm, thiếu cảm thông cho nhau, mặc

dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông B đã sống ly thân, không chăm sóc, quan tâm lẫn nhau từ tháng 7/2022 đến nay. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn B.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Minh A, sinh ngày 03/11/2003, đã thành niên và trẻ Lê Hoàng A, sinh ngày 30/6/2006, bà Quách Thị Mộng T có nguyện vọng trực tiếp nuôi trẻ Hoàng A, không yêu cầu ông Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Quách Thị Mộng T tự khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Quách Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: bà Quách Thị Mộng T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn B nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú tại đường D, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: ông Lê Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ yêu cầu ông Lê Văn B có mặt tại Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng ông Lê Văn B vẫn vắng mặt; bà Quách Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 20/KH/2003, quyền số 01/2003 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh ngày

27/01/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị Mộng T đối với ông Lê Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà Quách Thị Mộng T nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, không phù hợp quan điểm sống, cách sống, không đồng cảm, thiếu cảm thông cho nhau, không thể sống cùng nhau, tình cảm không còn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Tòa án cũng đã triệu tập ông Lê Văn B để hòa giải nhưng ông B vẫn vắng mặt không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, đời sống hôn nhân của bà Quách Thị Mộng T và ông Lê Văn B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi trẻ Lê Hoàng A. Xét thấy, trẻ Hoàng A hiện đang sống với bà T, cuộc sống ổn định, để không làm tráo trộn cuộc sống của trẻ cần phải giao trẻ Hoàng A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh đó trẻ Hoàng A cũng có nguyện vọng ở với bà T, do đó yêu cầu của bà T là có căn cứ.

Cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung tên Lê Thị Minh A, sinh ngày 03/11/2003 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: bà Quách Thị Mộng T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị Mộng T.

1.1. Về hôn nhân: bà Quách Thị Mộng T được ly hôn với ông Lê Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20/KH/2003, quyển số 01/2003 ngày 27/01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Quách Thị Mộng T và ông Lê Văn B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: bà Quách Thị Mộng T và ông Lê Văn B có 02 con chung tên Lê Thị Minh A, sinh ngày 03/11/2003, đã thành niên và Lê Hoàng A, sinh ngày 30/6/2006. Giao trẻ Lê Hoàng A cho bà Quách Thị Mộng T trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện của bà Quách Thị Mộng T không yêu cầu ông Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Quách Thị Mộng T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Quách Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0026522 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm